TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST Ngày 22/7/2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và bà Dương Thị Kim Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 1994.

ĐKHKTT : Thôn G, xã Q, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương.

(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Đoàn Văn N, sinh năm1993.

Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn G, xã Q, huyện S, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Khánh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn N kết hôn vào ngày 29/5/2017 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh N sống tại thôn G, xã Q, huyện S, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N còn mải chơi, không chịu lao động, không có trách nhiệm với gia đình. Từ khi anh N đi lao động ở Đài Loan vào đầu năm 2019, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Chị thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Chị chỉ biết anh N sống tại Đài Loan, không biết địa chỉ cụ thể như thế nào.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N có một con chung là Đoàn Diệp Bảo A, sinh ngày 25/02/2018, hiện đang ở cùng chị. Nguyện vọng của chị được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình anh N cung cấp địa chỉ của anh N. Ông Đoàn Văn Đ (bố đẻ anh N) trình bày: Ông chỉ biết anh N lao động tại Đài Loan, không biết địa chỉ cư trú cụ thể của anh N, nhưng anh N vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về nhà. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao, ông đều thông báo bằng điện thoại cho anh N biết. Anh N nói với ông quan điểm của anh đồng ý ly hôn chị L. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh N và chị L theo ông Đ là do chị L không quan tâm đến gia đình chồng, còn cụ thể vợ chồng có mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết.

Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh N. Tại biên bản xác minh, đại diện lãnh đạo xã Q cùng Tư pháp xã, đại diện thôn G đều xác nhận sau khi anh N đi nước ngoài, chị L đã đưa con về bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2020, có dư luận phản ánh vợ chồng anh chị có mâu thuẫn về tiền bạc, nợ nần còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào thì không rõ.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã Q đề nghị Tòa án giao cháu Đoàn Diệp Bảo A (là con chung của chị L, anh N) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, đã ở cùng chị L từ bé, anh N hiện đang lao động tại nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc cháu.

Tại Công văn số 6915/QLXNC-P5 ngày 21/5/2020, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an cung cấp: Anh Đoàn Văn N đã xuất cảnh ngày 27/10/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Khánh L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đoàn Văn N là người Việt Nam hiện đang sinh sống ở Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã yêu cầu gia đình anh N cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được mà chỉ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N biết bằng điện thoại, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên tòa lần hai, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Khánh L và anh Đoàn Văn N tự nguyện kết hôn và được UBND xã Q, huyện S, tỉnh Hải Dương đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/5/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị L, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của ông Đ (là bố anh N) có căn cứ xác định trong cuộc sống chị L và anh N có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế. Chị L đã tự đưa con về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2020, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N đã được ông Đ thông báo về việc chị L xin ly hôn anh nhưng anh N không có văn bản, tài liệu gì thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L ly hôn anh N.

[4] Về quan hệ con chung: Cháu Đoàn Diệp Bảo A, sinh ngày 25/02/2018 là con chung của chị L và anh N hiện đang sống cùng chị L, chị L đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Bảo A còn nhỏ (dưới 3 tuổi), rất cần sự chăm sóc của mẹ và từ nhỏ đến nay cháu vẫn được mẹ chăm sóc tốt. Mặt khác, chị L có công việc và thu nhập, đủ điều kiện nuôi con, anh N đang lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu. Do đó, cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Anh N không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh N có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Khánh L, xử cho chị Nguyễn Thị Khánh L ly hôn anh Đoàn Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Diệp Bảo A, sinh ngày 25/02/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Khánh L không yêu cầu anh Đoàn Văn N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Đoàn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002148 ngày 11/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Nguyễn Thị T nộp thay). Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Khánh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Đoàn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, huyện S, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh